

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN KHÁNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 06 / 12/ 2019.

**V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Hằng và bà Phạm Thị Mai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị L – Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Thổ T, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Ông Trần Đình B – Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn Thổ T, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Người chỉ định đại diện tham gia tố tụng của ông Trần Đình B là ông Trần Giang N – Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Thổ T, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Đình B: Bà Lê Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình cử.

Tại phiên tòa có mặt bà Vũ Thị L, ông Trần Giang N và bà Lê Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là bà Vũ Thị L trình bày: Bà và ông Trần Đình B sau một thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 03 tháng 3 năm 2003 tại UBND xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau đó, vợ

chồng được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn bà và ông B đi làm ăn và sinh sống ở quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chỉ vì kinh tế gia đình khó khăn, đến năm 2006 ông B bị bệnh tai biến, sau đó ông cùng với con chuyển về làm ăn, sinh sống tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh, còn bà vẫn ở lại làm ăn tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2010, được sự động viên của gia đình và vì nhớ con bà đã quyết định chuyển về Bắc để về đoàn tụ và chăm sóc cho bố con ông B. Khi bà về sống ông B lại bị tai biến mạch máu não lần hai, bà sống chăm sóc cho ông và con. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng lại bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, nên năm 2017, bà và con trở lại miền Nam làm ăn, sinh sống kể từ đó cho tới nay, vợ chồng bà sống ly thân nhau kể từ đó. Trong khoảng thời gian sống ly thân bà và ông B không còn quan tâm liên lạc với nhau nữa, bà cũng không quay trở lại xã Khánh H, để thăm ông B lần nào nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà và ông B không thể đoàn tụ được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Đình B.

Về con: Bà L xác định trong quá trình chung sống cho đến nay vợ chồng có một con chung là cháu Trần Lan A, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2003, hiện cháu đang do bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Lan A hiện đang có cuộc sống và nơi học tập ổn định ở trong Nam. Hơn nữa cháu lại đang lứa tuổi trưởng thành cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn, bản thân ông B lại đang ốm đau. Do vậy nay ly hôn bà yêu cầu Tòa án giao cháu Lan A cho bà được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống, bà không yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lan A cho bà. Về con riêng bà và ông B không ai có, do vậy nay ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Trong quá trình chung sống cho đến nay vợ chồng ông bà không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên nay ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2019 của ông Trần Giang N là người chỉ định đại diện tham gia tố tụng cho ông Trần Đình B trình bày: Ông B và bà L tự do tìm hiểu nhau ở trong miền Nam, sau đó về đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2003 tại UBND xã Khánh H và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới cho ông bà theo nghi thức truyền thống. Sau khi cưới xong thì ông B và bà L vào miền Nam tiếp tục làm ăn và sinh sống. Đến năm 2006, do ông B bị ốm nên đã chuyển về xã Khánh H, huyện Yên Khánh, cùng con để sinh sống và chữa bệnh. Trong khoảng thời gian này bà L vẫn ở miền Nam làm ăn, thi thoảng vẫn hỏi thăm về gia đình. Đến năm 2010 thì bà L về nhà ở hẳn với ông B để tiện việc chăm sóc. Tuy nhiên không hiểu lý do vì sao vào năm 2017, bà L ra nhà ông nói là đi vào miền Nam để lo kinh tế, nhờ ông ở nhà chăm sóc ông B vì lúc đó ông B bị bệnh tai biến nặng. Ban đầu gia đình ai cũng nghĩ bà L đi làm ăn. Nhưng trong khoảng thời gian từ năm 2017 cho tới nay, bà L không hề liên lạc về nhà hay gọi điện hỏi thăm ông B cũng như gia đình ông. Trong khoảng thời

gian bà L bỏ đi, ông B sống cùng với mẹ già, việc chăm sóc cho ông B đều do ông là người chăm sóc. Ông B bị tai biến và được UBND xã Khánh H xác nhận là khuyết tật nghe, nói, còn thực tế bản thân ông B vẫn tự chăm sóc cá nhân hàng ngày cho mình được. Về việc chăm nom ông B và mẹ già gia đình ông nhận trách nhiệm chăm sóc và không có yêu cầu gì đối với bà L. Nay bà L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông B, tại phiên tòa ông N là đại diện tham gia tố tụng cho ông B nhất trí việc bà L ly hôn với ông B.

Về con: Ông B và bà L có một con chung là cháu Trần Lan A, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2003. Hiện nay cháu Lan A đang do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ông B và bà L ly hôn, do điều kiện sức khỏe của ông B nên ông N nhất trí giao cháu Lan A cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, ông B không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lan A cho bà L ông N nhất trí. Về con riêng không ai có.

Về tài sản: Cho đến nay ông B và bà L không có tài sản gì, ông cũng nhất trí và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Đình B: Bà Lê Thị Thu H trình bày: Vợ chồng ông B và L có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho tới nay. Bản thân ông B là người khuyết tật nghe, nói, tuy nhiên thực tế ông B vẫn hiểu và truyền đạt được ý kiến của mình, tự chăm sóc cá nhân cho mình được. Ông B đang sống cùng mẹ già, công việc gia đình chủ yếu do ông N là người quán xuyến lo toan. Nay ông N nhận tiếp tục chăm sóc cho ông B và không yêu cầu gì đối với bà L. Việc bà L khởi kiện xin ly hôn với ông B đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho ông B. Về con, do ông B bị bệnh, việc chăm sóc bản thân còn khó khăn nên giao cháu Trần Lan A cho bà L tiếp tục chăm sóc, giáo dục và ông B không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lan A cho bà L là phù hợp với điều kiện của ông B. Về con riêng ông B, bà L không có. Về tài sản vợ chồng ông B, bà L không có nên không yêu cầu giải quyết là đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, người chỉ định đại diện tham gia tố tụng của bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L xử cho ly hôn với ông Trần Đình B, về con: Giao cháu Trần Lan A, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2003 cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, ông B không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lan A cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của ông B. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí bà L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Bà Vũ Thị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn với ông Trần Đình B, đang trú tại: Thôn Thổ T, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo chứng cứ, tài liệu do ông Trần Giang N cung cấp cho Tòa án 01 giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã Khánh H, huyện Yên Khánh, xác nhận ông B bị khuyết tật nghe nói đặc biệt nặng. Tòa án đã giải thích cho bà L thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố ông B mất năng lực hành vi dân sự nhưng bà L từ chối không yêu cầu; ông N cũng có đơn từ chối giám định tâm thần đối với ông B. Căn cứ Điều 88 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra Quyết định chỉ định ông Trần Giang N là em trai của ông Trần Đình B là người chỉ định đại diện tham gia tố tụng cho ông B. Căn cứ Điều 7, Luật trợ giúp pháp lý, Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh ra văn bản đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình cử trợ giúp viên pháp lý thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trần Đình B theo quy định pháp luật. Theo đó bà Lê Thị Thu H được chỉ định là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Vũ Thị L và ông Trần Đình B làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2003 tại UBND xã Khánh H, huyện Yên Khánh. Tại thời điểm kết hôn ông B là người hoàn toàn khỏe mạnh, cho đến năm 2012 ông B mới bị phát bệnh tai biến mạch máu não. Như vậy theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bà L cho rằng nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, ông B không chịu làm ăn. Do có mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho tới nay. Hiện tại bà L cùng con đang sinh sống tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống ly thân, bà L không quan tâm, liên lạc gì với ông B và gia đình nữa. Tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đình B. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp cũng như qua các biên bản làm việc, lời khai của người đại diện tham gia tố tụng cho ông B và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cho thấy hôn nhân giữa bà L và ông B trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn tới vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ. Từ những đánh giá nêu trên có đủ căn cứ để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà Vũ Thị L và ông Trần Đình B đã trở nên trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Tại phiên tòa ông N là người đại diện tham gia tố tụng cho ông B đã nhất trí việc bà

L ly hôn với ông B. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L xin ly hôn với ông Trần Đình B là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3] **Về con:** Bà Vũ Thị L và ông Trần Đình B có một con chung là cháu Trần Lan A, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2003. Hiện nay cháu đang do bà L chăm sóc nuôi dưỡng. Do cháu Lan A đang có cuộc sống và nơi học tập ổn định, mặt khác ông B là người khuyết tật nên không có điều kiện để nuôi dưỡng cháu Lan A được. Do vậy cần giao cháu Lan A cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, ông B không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà L là phù hợp. Về con riêng, ông bà không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản:** Bà Vũ Thị L và người đại diện tham gia tố tụng cho ông Trần Đình B đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn bà L và người đại diện tham gia tố tụng cho ông Trần Đình B không cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** Bà Vũ Thị L là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 88, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ” đối với ông Trần Đình B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L được ly hôn ông Trần Đình B.

- Về con: Giao cháu Trần Lan A, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2003 cho bà Vũ Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Ông Trần Đình B không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Trần Lan A và ông Trần Đình B có quyền đi lại thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Bà Vũ Thị L và người đại diện tham gia tố tụng cho ông Trần Đình B đều xác định không có tài sản và không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số AA /2013/0002062 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, người đại diện tham gia tố tụng cho cho bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung